

NHỮNG TIỀN ĐỀ CẦN THIẾT ĐỂ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

ĐỖ PHÚ TRẦN TÌNH*

Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu một bước đổi mới về tư duy kinh tế, với quan điểm “làm cho sản xuất bung ra”, Đại hội này đã đặt nền tảng lý luận cho mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng và thực tế mô hình tăng trưởng theo chiều rộng trong giai đoạn này đã mang lại nhiều kết quả tích cực, đã huy động được sức mạnh toàn dân vào phát triển kinh tế, đáp ứng được nhu cầu bức bách về lương thực, thực phẩm và việc làm cho người dân. Tuy nhiên, việc duy trì quá lâu mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa nhiều tài nguyên, vốn và lao động này đã làm cho kinh tế VN gặp nhiều hạn chế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế không ổn định; tình trạng lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường ngày càng tăng; khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; các cân đối kinh tế vĩ mô thiếu bền vững. Vì vậy, việc tìm kiếm và chuyển đổi mô hình tăng trưởng là việc làm hết sức cấp thiết đối với VN trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi mô hình, mô hình tăng trưởng, VN.

1. Giới thiệu

Tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao là mục tiêu mong muốn của các quốc gia, nhất là đối với các nước đang phát triển. Tuy nhiên, ngày nay thế giới phải chứng kiến mặt trái của tăng trưởng kinh tế nhanh, đó là tài nguyên thiên nhiên bị tàn phá, môi trường sống bị xuống cấp và đe dọa, phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng. Vì vậy, việc tìm kiếm mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp là vấn đề hết sức cấp bách hiện nay đối với các quốc gia, trong đó có VN. Bài viết này sẽ tìm hiểu quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của VN. Qua đó, đề xuất một số tiền đề cần thiết để chuyển đổi thành công mô hình tăng trưởng của VN trong giai đoạn sắp tới.

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, trên cơ sở sử dụng các công cụ phân tích, tổng hợp, so sánh và đối chiếu.

2. Cơ sở lý thuyết về mô hình tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế là vấn đề quan trọng được các nhà kinh tế từ cổ

điển đến hiện đại quan tâm, tiêu biểu có các quan điểm sau:

Thứ nhất, quan điểm cổ điển về tăng trưởng kinh tế được xây dựng bởi các đại biểu là William Petty (1623-1687), Adam Smith (1723-1790) và David Ricardo (1772-1823) [1]. Quan điểm này cho rằng nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng nhất, từ đó yếu tố căn bản của tăng trưởng kinh tế là đất đai, lao động và vốn. Trong từng ngành và phù hợp với một trình độ kỹ thuật nhất định các yếu tố này kết hợp với nhau theo một tỷ lệ cố định. Trong ba yếu tố trên thì đất đai là quan trọng nhất. Đất đai chính là giới hạn của sự tăng trưởng.

Thứ hai, quan điểm của Các Mác về tăng trưởng kinh tế. cho rằng các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế không chỉ là đất đai, lao động, vốn mà còn có yếu tố khoa học kỹ thuật. Về vai trò khoa học kỹ thuật trong tăng trưởng kinh tế, Các Mác viết: “Khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất trực tiếp” [2]. Các Mác cho rằng muốn tái sản xuất mở rộng (tăng trưởng kinh tế) thì phải tích lũy tư bản, tức phải biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản bất biến phụ thêm (c_1) và tư bản khả biến phụ thêm (v_1).

* TS., Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM
Email: tinhhdpt@uel.edu.vn

Thứ ba, mô hình tân cổ điển về tăng trưởng kinh tế [3]. Các nhà kinh tế học tân cổ điển đã cố gắng giải thích nguồn gốc của sự tăng trưởng kinh tế thông qua hàm sản xuất. Hàm số này nói lên mối quan hệ giữa sự tăng lên của đầu ra với sự tăng lên của yếu tố đầu vào là vốn, lao động, tài nguyên và khoa học kỹ thuật.

$$Y = f(K, L, R, T \dots)$$

Trong đó: Y: đầu ra (GDP, GNI); K: vốn sản xuất; L: số lượng lao động; R: nguồn tài nguyên thiên nhiên; T: khoa học kỹ thuật

Theo trường phái tân cổ điển, có thể còn có nhiều nhân tố khác tham gia vào quá trình sản xuất ngoài các yếu tố nêu trong hàm sản xuất. Họ cho rằng, mỗi nhân tố đều có vai trò nhất định đối với tăng trưởng sản xuất và giữa chúng có quan hệ lẫn nhau. Trong đó, tư bản được quan tâm nhất bởi vì nó đi liền với tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Lao động được coi là nguồn vốn ban đầu thiết yếu nhất của tăng trưởng.

Thứ tư, mô hình của Keynes về tăng trưởng kinh tế [4]. Theo Keynes, một nền kinh tế chịu tác động của hai nhân tố cơ bản: tổng cung - tức toàn bộ số hàng hóa bán trên thị trường và tổng cầu - tức toàn bộ số hàng hóa mà người ta muốn mua. Nhân tố trực tiếp quyết định mức sản lượng và việc làm trong nền kinh tế không phải là tổng cung mà chính là tổng cầu. Tổng cung giữ vai trò thụ động, nó chịu sự tác động của tổng cầu. Trong quá trình vận động của nền kinh tế, tổng cầu thường không theo kịp tổng cung. Điều đó ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, thu hẹp đầu tư và gây ra nạn thất nghiệp. Để giải quyết tình trạng này phải tăng tổng cầu, tổng cầu lớn hơn tổng cung sẽ làm gia tăng đầu tư, do đó sẽ gia tăng việc làm và gia tăng thu nhập. Cuối cùng sản lượng quốc gia sẽ tăng. Trong logic phân tích của mình, Keynes cho rằng để thoát khỏi khủng hoảng và thất nghiệp cần có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế để tăng tổng cầu, gia tăng việc làm và thu nhập. Trước hết, ông đề nghị sử dụng ngân sách nhà nước để kích thích đầu tư thông qua các đơn đặt hàng của nhà nước và trợ cấp vốn cho doanh nghiệp. Để kích thích đầu tư phải có các biện pháp tăng lợi nhuận và giảm lãi suất, muốn vậy phải tăng khối lượng tiền tệ trong lưu thông. Keynes đề nghị thực hiện lạm phát có mức độ. Ông đánh giá cao vai trò của hệ thống thuế khóa, công trái nhà nước, qua đó

bổ sung ngân sách nhà nước. Ông đề nghị giảm lãi suất ngân hàng để khuyến khích đầu tư và đánh thuế thu nhập cá nhân lũy tiến làm cho phân phối thu nhập trở nên công bằng hơn, do đó sẽ tăng tổng thu nhập mà nhân dân dùng cho tiêu dùng. Ông tán thành đầu tư của chính phủ vào các công trình công cộng.

Thứ năm, mô hình của Harrod - Domar về tăng trưởng kinh tế [5]. Mô hình này do hai nhà kinh tế học Roy Harrod ở Anh và Evsay Domar ở Mỹ đưa ra vào thập niên 40 của thế kỷ XX. Theo mô hình này, để tăng trưởng kinh tế thì phải tăng tỷ lệ tích lũy (tiết kiệm) và giảm hệ số ICOR (tăng hiệu quả sử dụng vốn).

Tuy vậy, trong thực tế thì tăng trưởng kinh tế có thể xảy ra không phải vì lý do tăng đầu tư, hoặc ngược lại nếu đầu tư không có hiệu quả vẫn có thể dẫn đến không có sự tăng trưởng. Kể cả trong trường hợp đầu tư có hiệu quả thì sự tăng tỷ lệ tiết kiệm cũng chỉ có thể tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn chứ không thể đạt trong dài hạn. Từ những lập luận này, năm 1956, dựa trên tư tưởng của lý thuyết trường phái tân cổ điển, Robert Solow xây dựng mô hình tăng trưởng mới, còn gọi là mô hình tăng trưởng Solow. Nếu như mô hình của Harrod - Domar chỉ xét đến vai trò của vốn sản xuất thông qua tiết kiệm và đầu tư đối với tăng trưởng kinh tế, thì mô hình Solow đã đưa nhân tố lao động và tiến bộ kỹ thuật vào phương trình tăng trưởng và theo Solow, tiến bộ kỹ thuật là yếu tố quyết định đến tăng trưởng kinh tế cả trong ngắn hạn và trong dài hạn.

Thứ sáu, quan điểm của kinh tế học hiện đại về tăng trưởng kinh tế [6]. Các nhà kinh tế học hiện đại ngày nay quan niệm sự cân bằng kinh tế dựa theo mô hình của Keynes, là sự cân bằng của nền kinh tế không nhất thiết tại mức sản lượng tiềm năng, mà thường là dưới mức sản lượng tiềm năng, trong điều kiện hoạt động bình thường, nền kinh tế vẫn có thất nghiệp và lạm phát. Nhà nước cần xác định tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên và mức lạm phát có thể chấp nhận được. Sự cân bằng này của nền kinh tế xác định được khi tổng cung và tổng cầu gặp nhau.

Các mô hình tăng trưởng hiện đại thường không nói đến nhân tố tài nguyên, đất đai với tư cách là biến số của hàm tăng trưởng kinh tế, họ cho rằng đất

đại là yếu tố cố định, còn vai trò của tài nguyên có xu hướng giảm sút. Những yếu tố tài nguyên, đất đai đang sử dụng có thể gia nhập dưới dạng yếu tố vốn sản xuất K. Vì vậy có ba yếu tố trực tiếp tác động đến tăng trưởng là vốn, lao động và yếu tố năng suất tổng hợp (TFP- Total Factor Productivity).

Vốn và lao động được xem là yếu tố vật chất có thể lượng hóa được tác động của nó đến tăng trưởng và được xem là nhân tố tăng trưởng theo chiều rộng.

TFP được coi là yếu tố chất lượng của tăng trưởng hay tăng trưởng theo chiều sâu. TFP thể hiện hiệu quả của yếu tố khoa học công nghệ, các yếu tố thể chế, văn hóa...

Như vậy, qua phân tích lịch sử phát triển các quan điểm về tăng trưởng kinh tế, có thể thấy đó là quá trình chuyển biến nhận thức từ mô hình tăng trưởng theo chiều rộng chủ yếu vào tài nguyên, lao động sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu chủ yếu dựa vào khoa học công nghệ.

3. Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản VN về chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế

3.1. Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản VN

Quá trình nhận thức của VN về việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế được thể hiện rõ nét thông qua quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản VN về chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế qua các thời kỳ.

Đại hội (ĐH) lần thứ VI của Đảng tháng 12/1986 đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Tại ĐH này, với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đảng đã thẳng thắn chỉ ra những sai lầm chủ quan nóng vội, duy ý chí đã làm cho tình hình kinh tế - xã hội nước ta gặp nhiều khó khăn. ĐH VI thừa nhận: “Sản xuất tuy có tăng, nhưng tăng chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra. Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp. Các xí nghiệp sản xuất nói chung chỉ sử dụng một nửa công suất thiết kế, năng suất lao động giảm; tài nguyên đất nước chưa khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí; lưu thông hàng hoá chưa thông suốt, phân phối rối ren; mất cân đối lớn trong nền kinh tế giữa cung và cầu về lương thực thực phẩm, hàng hoá tiêu

dùng...đời sống nhân dân, nhất là công nhân viên chức còn nhiều khó khăn...” [7].

Để khắc phục những hạn chế thiếu sót của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, tại ĐH VI, Đảng đã thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, thừa nhận sự đa dạng hoá các hình thức sở hữu. Đảng đã nhấn mạnh: “Cần sửa đổi, bổ sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. Những quy định có tính nguyên tắc phải trở thành pháp luật để mọi người yên tâm, mạnh dạn kinh doanh...; song về pháp luật phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng. Những người làm ra của cải và những việc có ích cho xã hội, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và chính sách đều được tôn trọng, được quyền hưởng thu nhập tương xứng với kết quả lao động, kinh doanh hợp pháp của họ” [8].

Sau đó là một loạt các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị về các lĩnh vực kinh tế như: Nghị quyết số 2 - NQ/TW (4/1987) của Bộ Chính trị khoá VI về lưu thông, phân phối, thực hiện 4 giảm, bỏ cấm chợ ngăn sông; Nghị quyết số 3 - NQ/TW (8/1987) về đổi mới cơ chế quản lý nhà nước đối với các xí nghiệp quốc doanh; Nghị quyết số 10 - NQ/TW ngày 5/4/1988 của Bộ Chính trị khoá VI về đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp.

Như vậy, có thể thấy tư tưởng chỉ đạo cơ bản thông qua các văn kiện, các nghị quyết trung ương của ĐH VI là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi tiềm năng của đất nước, khuyến khích mọi thành viên xã hội năng động, sáng tạo sản xuất ra nhiều của cải, thúc đẩy tăng trưởng đáp ứng nhu cầu bức bách đời sống của người dân trong gian đoạn khó khăn này. Có thể khẳng định: ĐH VI của Đảng đã đặt nền tảng lý luận cho mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng của nước ta trong giai đoạn này.

Và thực tế mô hình tăng trưởng theo chiều rộng trong giai đoạn này đã mang lại nhiều kết quả tích cực, đã huy động được sức mạnh toàn dân vào phát triển kinh tế, đáp ứng được nhu cầu bức bách về lương thực, thực phẩm và việc làm cho người dân. Trong giai đoạn 1986-1990, chúng ta đã đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình là 4,45%; đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện các mục tiêu của

ba chương trình kinh tế (lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu). Tình hình lương thực - thực phẩm có chuyển biến tốt. Từ chỗ thiếu ăn triền miên phải nhập khẩu lương thực thì đến năm 1990 chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu lương thực trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Hàng hóa tiêu dùng trên thị trường dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi. Kim ngạch xuất khẩu gia tăng.

Đúng như nhận định của Văn kiện ĐH VII năm 1991, khẳng định: “Hơn bốn năm qua để đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân, chúng ta động viên và phát huy khả năng của toàn xã hội, khuyến khích người lao động tăng thu nhập và làm giàu chính đáng, chấp nhận sự chênh lệch trong thu nhập do năng suất và hiệu quả lao động. Đó là phương hướng đúng tạo động lực cho sự phát triển và nâng cao mức sống chung của xã hội” [9].

Tuy vậy, qua gần 10 năm phát triển theo mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng, bên cạnh những thành tựu đạt được thì nền kinh tế nước ta bắt đầu bộc lộ những hạn chế trong quá trình tăng trưởng, ĐH VIII năm 1996 của Đảng đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995 “Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, nguy cơ tụt hậu xa hơn còn to lớn. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất, nhất là kết cấu hạ tầng còn lạc hậu; trình độ khoa học công nghệ chuyển biến chậm; nguồn nhân lực có kiến thức, tay nghề, năng lực kinh doanh còn ít, lại chưa được sử dụng tốt; năng suất lao động xã hội tăng chậm” [10].

ĐH IX của Đảng năm 2001 đã khẳng định quan điểm phát triển của nước ta là: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phát huy mọi nguồn lực để phát triển nhanh và có hiệu quả những sản phẩm, ngành, lĩnh vực mà nước ta có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Tăng nhanh năng suất lao động xã hội và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng tích lũy cho đầu tư phát triển” [11].

Đồng thời, ĐH IX của Đảng cũng xác định đường lối chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó khẳng định: “Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta cần và có thể rút

ngắn thời gian, vừa có bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người VN; coi phát triển giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ là nền tảng, là động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá” [12].

Đến năm 2006, qua gần 20 năm tăng trưởng kinh tế theo mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, những hạn chế của mô hình này được thể hiện rõ nét hơn, đúng như nhận định tại ĐH X của Đảng năm 2006, báo cáo kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 đã nhận định: “Tốc độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua vẫn thấp hơn so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực ở thời kỳ đầu công nghiệp hoá. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào các nhân tố phát triển theo chiều rộng, vào những ngành và những sản phẩm truyền thống, công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao, sử dụng nhiều tài nguyên, vốn và lao động. Năng suất lao động tăng chậm và còn thấp so với nhiều nước trong khu vực. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn kém...” [13].

Cũng tại ĐH này, từ các bài học kinh nghiệm trong 5 năm 2001-2005, Đảng có rút ra bài học về phát triển nhanh và bền vững là “Phát triển nhanh phải đi đôi với phát triển bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn. Tăng trưởng về số lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong khi khai thác các yếu tố phát triển theo chiều rộng, phải đặc biệt coi trọng các yếu tố phát triển theo chiều sâu. Phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo. Từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Phải rất coi trọng bảo vệ và

cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển” [14].

ĐH XI của Đảng năm 2010 xác định: “Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển nhanh, bền vững. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu; vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững...”[15].

Như vậy, quá trình nhận thức của Đảng từ ĐH VI năm 1986 cho đến nay cho thấy Đảng đang chủ trương chuyển từ mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng chủ yếu dựa vào việc khai thác nguồn tài nguyên, vốn và lao động thủ công sang mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu chủ yếu dựa vào nhân tố TFP. Nói cách khác, VN đang chuyển từ mục tiêu tăng trưởng với tốc độ cao sang mục tiêu nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế.

3.2. Những kết quả đạt được và hạn chế

Với quan điểm phát triển theo mô hình chiều rộng được đề ra từ ĐH VI năm 1986, qua hơn 25 năm phát triển, VN đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội nhưng đồng thời mô hình tăng trưởng này ngày càng bộc lộ nhiều hạn chế:

Thứ nhất, về những thành tựu đạt được: VN đã duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển. Quy mô tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỷ USD; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 71,65 tỷ USD. Hầu hết các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế phát triển khá. Sự phát triển ổn định trong ngành nông nghiệp đã đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu. Kinh tế nông thôn và đời sống nông dân được cải thiện hơn trước. Công cuộc xóa đói giảm nghèo mang lại nhiều thành tựu lớn. Sản phẩm công nghiệp ngày càng phát triển đa dạng và phong phú về chủng loại, chất lượng cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, đảm bảo cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đã đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao. Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, đến năm 2010, tỉ trọng khu vực nông nghiệp trong GDP chiếm 20,6%, công nghiệp chiếm tỉ trọng 41,1% và dịch vụ là 38,3%. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực, tính đến năm 2010, cơ cấu lao động trong nông nghiệp là 48,2%, công nghiệp là 22,4%

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế VN giai đoạn 1986-2010

Năm	1986-1990	1991-1995	1996-2000	2001-2005	2006-2010
Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân	4,45%	8,2%	7%	7,51%	7,02%

Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê VN 2010

Bảng 2. Chỉ số kinh tế vĩ mô VN giai đoạn 2005-2010

Các chỉ số	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tốc độ tăng GDP (%)	8,44	8,23	8,46	6,31	5,32	6,78
Chỉ số CPI (%)	8,4	6,6	12,63	19,89	6,52	11,75
Nợ công/GDP (%)	41,8	42,9	45,6	43,9	49,0	51,3
Cán cân thương mại (tỷ USD)	4,31	5,06	14,2	18,02	11,85	12,40
Cán cân thanh toán (tỷ USD)	- 0,3	-0,2	-7,0	-10,8	-7,4	-9,3

Nguồn: Niên giám thống kê VN 2010

và dịch vụ là 29,4%.

Thứ hai, về những hạn chế: Việc kéo dài quá trình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng đã làm cho nền kinh tế ngày càng bộc lộ những hạn chế. Kinh tế tăng trưởng chưa bền vững; một số cân đối vĩ mô chưa vững chắc; chất lượng hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào tăng đầu tư và khai tài nguyên. Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư thấp, còn lãng phí, thất thoát, nhất là nguồn vốn đầu tư của Nhà nước. Công nghiệp chế biến, chế tạo chậm phát triển, gia công, lắp ráp còn chiếm tỷ trọng lớn. Cơ cấu chuyển dịch nội bộ ngành theo hướng hiện đại còn chậm. Năng suất lao động xã hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển chậm, thiếu đồng bộ chưa đáp ứng kịp yêu cầu của sự phát triển.

4. Kết luận và gợi ý chính sách

Việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng sang mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu đối với nước ta là công việc hết sức cấp thiết. Tuy nhiên, để chuyển đổi thành công là một công việc không dễ. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm thành công trong giai đoạn tăng trưởng chất lượng cao của Nhật, Hàn Quốc, Singapore và phân tích thực trạng của nền kinh tế VN thời gian qua, chúng tôi xin đề xuất một số tiền đề cần thiết để chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở VN thành công như sau:

Thứ nhất, đầu tư phát triển nguồn nhân lực nhằm tạo ra một đội ngũ lao động có trình độ, có năng suất lao động cao là một nhân tố quan trọng hàng đầu trong việc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế. Giáo dục không chỉ đơn thuần là quyền của con người được hiểu biết mà điều cơ bản hơn là tạo cho công dân có khả năng tham gia các hoạt động kinh tế. Nếu trình độ vốn nhân lực của con người được tăng lên thì khả năng tăng năng suất lao động, và theo đó là tăng thu nhập càng lớn. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực vừa làm cho kinh tế tăng trưởng vì nó cung cấp một đầu vào quan trọng cho quá trình sản xuất, vừa làm giảm bất bình đẳng vì nó tạo ra cơ hội cho các tầng lớp dân cư. Điều này góp phần vào việc nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế.

Muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thì phải đẩy mạnh việc đổi mới toàn diện nội dung, chương trình và phương pháp dạy, học và đánh giá các cấp học theo

hướng hiện đại với gần mục tiêu là nâng cao khả năng tự chủ, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm cho người học. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo trước xã hội. Phát triển mạnh hệ thống kiểm định và công khai kết quả kiểm định ra toàn xã hội để nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ sở đào tạo. Chú trọng công tác đào tạo nghề trong các trường phổ thông; cần sớm triển khai hai hệ thống giáo dục phổ thông theo hướng chuyên nghiệp và phổ thông theo hướng nghề để tạo điều kiện thuận trong việc chọn nghề cho học sinh phổ thông trung học. Cần kiện toàn, đổi mới toàn diện hệ thống các học viên, trường chính trị, trường đào tạo cán bộ đào tạo, các nhà quản lý nhà nước.

Bên cạnh đào tạo nguồn nhân lực, thì việc sử dụng và khai thác có hiệu quả nguồn nhân lực cũng là một vấn đề hết sức quan trọng trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Muốn vậy, cần phải thay đổi toàn diện hệ thống thang bảng lương và các chính sách đãi ngộ bất hợp lý trong khu vực nhà nước hiện nay. Việc tuyển dụng, đánh giá và đãi ngộ nhân lực phải theo hướng coi trọng khả năng chuyên môn, nghề nghiệp, năng lực cống hiến hơn là bằng cấp và thâm niên. Nâng cao mức đãi ngộ với đội ngũ các chuyên gia giúp họ yên tâm cống hiến..

Thứ hai, tiết kiệm vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là một trong những điều kiện quan trọng để chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Một trong những kinh nghiệm lớn trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là công khai hoá, minh bạch hoá quá trình sử dụng vốn, đặc biệt là các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Sự minh bạch này sẽ tạo sự cạnh tranh mạnh mẽ trong nền kinh tế, hình thành cơ chế thị trường thuận lợi. Đồng thời với quá trình nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cần phải đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông là một chìa khóa quan trọng trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Phải phát triển có trọng tâm, trọng điểm và đầu tư tập trung, dứt điểm, kiên quyết hoàn thành những công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật then chốt theo hướng hiện đại và đồng bộ ở các vùng động lực phát triển, các khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Đi đôi với việc tăng trưởng kinh tế cần phải có chính sách tiết kiệm nguyên liệu, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái. Khẩn trương hoàn thiện hệ

thống pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, trong quá trình phát triển kinh tế, Chính phủ cần thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô linh hoạt, minh bạch hoá nhằm chia sẻ công bằng thành quả tăng trưởng. Tránh việc tập trung quá mức vào phát triển về mặt kinh tế mà xem nhẹ các vấn đề xã hội; tránh việc thực hiện các chính đầu tư lệch lạc, quá ưu tiên khu vực, ngành này mà xem nhẹ các ngành, khu vực khác, nhất là khu vực nông thôn và ngành nông nghiệp sẽ làm cho nền kinh tế phát triển mất cân đối gây hiểm hoạ cho việc phát triển trong dài hạn. Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo ở vùng sâu, vùng khó khăn. Hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là đối với các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương.

Thứ tư, yếu tố để đảm bảo cho sự thành công của một chiến lược phát triển là phải có một bộ máy nhà nước mạnh, nghĩa là nhà nước đó phải phát triển theo hướng tập trung, có quyền lực mạnh, cam kết theo đuổi và thực hiện các chính sách phát triển dài hạn. Điều kiện để tồn tại một nhà nước mạnh là phải tạo ra được những cán bộ quản lý có năng lực, được trả lương cao, không bị chi phối bởi các nhóm áp lực chính trị và được trao quyền để thực hiện những sáng kiến. Muốn vậy, cần phải đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp theo hướng xây dựng một nền hành chính thông suốt, trong sạch, vững mạnh, có hiệu quả; tổ chức tinh gọn, hợp lý; tăng tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành của chính phủ; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục và quy trình; giảm mạnh và bãi bỏ các loại thủ tục hành chính gây phiền hà cho các tổ chức và

công dân; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công phù hợp với sự phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức về phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, khả năng chuyên môn; có chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích công chức hoàn thành nhiệm vụ và mạnh dạn loại bỏ, đào thải những cán bộ biến chất, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân; cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, chính sách nhà ở đảm bảo cuộc sống cho cán bộ công chức để góp phần phòng và chống tham nhũng■

CHÚ THÍCH

- [1] PGS.TS. Trần Thọ Đạt (2005), Các mô hình tăng trưởng kinh tế, NXB Thống kê, Hà Nội: trang 18-20.
- [2] Các Mác và Ăngghen (1993), Toàn tập, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội: trang 234.
- [3] GS.TS. Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), Giáo trình kinh tế phát triển, NXB Lao động - Xã hội: trang 89.
- [4] Mai Ngọc Cường (2005), Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội: trang 247-249.
- [5] PGS.TS. Trần Thọ Đạt (2005), Các mô hình tăng trưởng kinh tế, NXB Thống kê, Hà Nội: trang 48.
- [6] TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim Dung (2008), Giáo trình Kinh tế phát triển, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: trang 73-74.
- [7] Đảng Cộng sản VN (2008), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VIII, VIII, IX, X), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội : trang 14.
- [8] Sđd, trang 47-48
- [9] Sđd, trang 176
- [10] Sđd, trang 393
- [11] Sđd, trang 508
- [12] Sđd, trang 465-466
- [13] Sđd, trang 679-680
- [14] Sđd, trang 688
- [15] Đảng Cộng sản VN (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 191.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các Mác và Ăngghen (1993), *Toàn tập, tập 8*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Mai Ngọc Cường (2005), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản VN (2008), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VIII, VIII, IX, X)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản VN (2011), *Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. PGS.TS. Trần Thọ Đạt (2005), *Các mô hình tăng trưởng kinh tế*, NXB Thống kê, Hà Nội.
6. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim dung (2008), *Giáo trình kinh tế phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
7. GS.TS. Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), *Giáo trình kinh tế phát triển*, NXB Lao động - xã hội.
8. C. Suan Tan Teek, Woon Soon (1993), *The lesson of East Asia - Singapore Public Policy and Economic Development*, The World Bank, USA.